

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1-VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2025/HNGĐ-ST

Ngày : 22-9-2025

*“Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Yến

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Tú Anh

Ông Châu Thanh Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Cẩm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2025 về việc tranh chấp *"Ly hôn và nuôi con chung"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2025/QĐXX-ST ngày 18 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* bà **Nguyễn Thị Kim N**, sinh ngày 29/02/1988. CCCD số: 094188013392, do Cục trưởng Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội-Bộ C cấp ngày 09/6/2023; địa chỉ thường trú: Khóm A, Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ liên hệ: Số A, Khu phố E, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt)

* *Bị đơn:* ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1986; địa chỉ thường trú: Số E, đường Đ, Khóm E, phường T, tỉnh Vĩnh Long (cũ là số: E58, đường Đ, Khóm E, Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Thị Kim N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông Nguyễn Văn T tự tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 07/11/2014 tại Ủy ban nhân dân Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (nay là phường T, tỉnh Vĩnh Long).

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc. Khoảng đầu năm 2021, bà N và ông T xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, được hòa giải nhiều lần nhưng không thành, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Bà N và ông T đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay, cả hai không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không thể kéo dài. Bà N yêu cầu được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà N và ông T có 01 (một) con chung là Nguyễn Thành N1, sinh ngày 04/07/2018. Hiện tại N1 đang sống với bà N. Bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Bà N và ông T không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà N và ông T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 03/9/2025, bà N xin xử vắng mặt và bảo lưu các ý kiến đã trình bày.

Bị đơn vắng mặt suốt quá trình tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông T, nên xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bị đơn có nơi cư trú tại phường T, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ các Điều 28, 35, 36, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long.

Nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai: phiên tòa lần thứ nhất ngày 03/9/2025, phiên tòa lần thứ hai ngày 22/9/2025 nhưng đều vắng mặt, không có lý do nên xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông Tấn T1 đến hôn nhân có đăng ký kết hôn vào ngày 07/11/2014 tại Ủy ban nhân dân Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (nay là phường T, tỉnh Vĩnh Long) nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của bà N cho thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà N và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên **cãi vã**, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà N và ông T đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Bà N giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Đối với bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, xử cho bà N với ông T ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về con chung: Bà N xác định bà và ông T có một con chung là Nguyễn Thành N1, sinh ngày 04/07/2018. Hiện N1 đang sống chung với bà N, do bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Nay bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng; ông T không có ý kiến đối với yêu cầu này của bà N; đồng thời tại bản tự khai ngày 03/9/2025, Nguyễn Thành N1 trình bày: Nếu cha mẹ ly hôn với nhau nguyện vọng của N1 muốn sống với mẹ là bà N. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N, tiếp tục giao Nguyễn Thành N1 cho bà N nuôi dưỡng. Bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N xác định bà và ông T không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông T không có ý kiến phản đối lời trình bày của bà N, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000đồng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0008028 ngày 02/6/2025 tại Chi cục

Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1-Vĩnh Long), bà N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, **sửa đổi bổ sung năm 2025**; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim N.

1.1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim N với ông Nguyễn Văn T.

1.2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thành N1, sinh ngày 04/07/2018 cho bà Nguyễn Thị Kim N tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim N với ông Nguyễn Văn T không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim N phải nộp án phí sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000đồng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0008028 ngày 02/6/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1-Vĩnh Long), bà N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND khu vực 1- Vĩnh Long;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 1- Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh VL;
- UBND phường Tân Hạnh, tỉnh Vĩnh Long;
- Tòa án ND tỉnh VL;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Kim Yến